**Trường THPT Ứng Hòa B**

**Tổ Sinh- địa- thể dục- GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC TỪ NGÀY 23/3 – 29/3**

**Môi trường- các nhân tố sinh thái- Quần thể Sinh vật**

**Câu 1:** Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái

A. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật

B. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật

C. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật

D. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đén đời sống của sinh vật

**Câu 2:** Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm

A. tất cả các nhân tố vật lí, hóa học của môi trường xung quanh sinh vật

B. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các nhân tố vật lí bao quanh sinh vật

C. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các chất hóa học của môi trường xung quanh sinh vật

D. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật

**Câu 3:** Nhân tố sinh thái hữu sinh bao gồm

A. thực vật, động vật và con người

B. vi sinh vật, thực vật, động vật và con người

C. thế giới hữu cơ của môi trường, là những mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau.

D. vi sinh vật, nấm, tảo, thực vật, động vật và con người

**Câu 4:** Giới hạn sinh thái là

A. khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật có thể tồn tại, phát triển ổn định theo thời gian

B. khoảng xác định mà ở đó loài sống thuận lợi nhất hoặc sống bình thường nhưng năng lượng bị hao tổn tối thiểu

C. không chống chịu mà ở đó đời sống của loài ít bất lợi

D. khoảng cực thuận mà ở đó loài sống thuận lợi nhất

**Câu 5:** Khoảng thuận lợi là khoảng của các nhân tố sinh thái

A. ở đó sinh vật sinh sản tốt nhất

B. ở mức phù hợp nhất đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất

C. giúp sinh vật chống chịu tốt nhất với môi trường

D. ở đó sinh vật sinh trưởng, phát triển tốt nhất

**Câu 6:** Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái thì chúng thường có vùng phân bố

A. hạn chế        B. rộng C. vừa phải        D. hẹp

**Câu 7:** Những hiểu biết về giới hạn sinh thái của sinh vật có ý nghĩa

A. đối với sự phân bố của sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập vật nuôi

B. ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

C. trong việc giải thích sự phân bố của các sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

D. đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất, thuần hóa các giống vật nuôi

**Câu 8:** Ổ sinh thái là

A. khu vực sinh sống của sinh vật

B. nơi thường gặp của loài

C. khoảng không gian sinh thái có tất cả các điều kiện đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển ổn định, lâu dài của loài

D. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật

**Câu 9:** Quần thể là một tập hợp cá thể có

A. cùng loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới

B. khác loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào 1 thời điểm xác định

C. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào 1 thời điểm xác định

D. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào 1 thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới

**Câu 10:** Những con voi trong vườn bách thú là

A. quần thể B. tập hợp cá thể voi

C. quần xã D. hệ sinh thái

**Câu 11:** Cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài không có vai trò nào sau đây?

A. Làm tăng số lượng các cá thể của quần thể, tăng kích thước quần thể

B. Tạo động lực thúc đẩy sự hình thành các đặc điểm thích nghi mới

C. Làm mở rộng ổ sinh thái của loài, tạo điều kiện để loài phân li thành các loài mới

D. Duy trì số lượng và sự phân bố cá thể ở mức phù hợp

**Câu 12:** Trong quần thể, các cá thể luôn gắn bó với nhau thông qua mối quan hệ

A. hỗ trợ C. hỗ trợ hoặc cạnh tranh

B. cạnh tranh D. không có mối quan hệ

**Câu 13:** Nguyên nhân chủ yếu của cạnh trạnh cùng loài là so

A. có cùng nhu cầu sống

B. đấu tranh chống lại điều kiện bất lợi

C. đối phó với kẻ thù

D. mật độ cao

**Câu 14:** Quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể có ý nghĩa

A. đảm bào cho quần thể tồn tại ổn định

B. duy trì số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp

C. giúp khai thác tối ưu nguồn sống

D. đảm bảo thức ăn đầy đủ cho các cá thể trong đàn

**Câu 15:** Ví dụ nào sau đây không thể hiện mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể?

A. Ở những quần thể như rừng bạch đàn, rừng thông, ở những nơi cây mọc quá dày người ta thấy có hiện tượng 1 số cây bị chết, đó là hiện tượng “tự tỉa thưa” ở thực vật.

B. Khi thiếu thức ăn, nơi ở, người ta thấy nhiều quần thể cá, chim, thú có hiện tượng đánh lẫn nhau, dọa nạt nhau bằng tiếng hú hoặc động tác để tranh giành thức ăn và nơi ở

C. Khi thiếu thức ăn, 1 số động vật ăn thịt đồng loại. Ví dụ ở cá mập, khi cá mập con mới nở ra sử dụng ngay các trứng chưa nở làm thức ăn hoặc cá lớn ăn cá con.

D. Một số loài thực vật như tre, nứa thường sống quần tụ với nhau thành từng bụi giúp chung tăng khả năng chống chịu với gió bão. Nhưng khi gặp phải gió bão quá mạnh các cây tre, nứa có thể bị đổ vào nhau.